

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2022
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo
2. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2022/TLST-HN ngày 07 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HN ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị **Đặng Thu Ng**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp A, xã ĐHD, huyện DH, tỉnh Long An (xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp TQ, xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thu Ng trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M sống chung từ năm 2018 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 17/7/2018. Sau

khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một năm, thời gian sau vợ chồng sống không hạnh phúc do có mâu thuẫn bất đồng ý kiến lẫn nhau, không phù hợp tính tình và quan điểm sống, anh M không quan tâm lo cho vợ con, mọi chi tiêu lo cho con đều để chị tự lo. Chị và anh M đã ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung anh chị có một con chung Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/11/2019 hiện chị đang trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Nguyễn Văn M:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh M nhưng anh M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đặng Thu Ng tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn M, địa chỉ: ấp TQ, xã THT, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thu Ng và anh Nguyễn Văn M sống chung năm 2018 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh M là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa chị Ng và anh M sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên cự cãi nhau, theo chị Ng thì anh M không lo làm ăn để chăm lo vợ con. Chị Ng và anh M đã ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay, thời gian ly thân anh M không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng anh M không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Ng, chị Ng cương quyết ly hôn điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thu Ng.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/11/2019. Hiện nay con chung đang sống cùng chị Ng, chị Ng yêu cầu được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu T đang sống ổn định cùng chị Ng, chị Ng có chỗ ở ổn định và có nguồn thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giao con chung Nguyễn Bảo Tiên cho chị Đặng Thu Ngân trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn Minh được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thu Ng phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thu Ng ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo T, sinh ngày 27/11/2019 cho chị Đặng Thu Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn M được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn M chưa phải đóng góp nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đặng Thu Ng phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số

0002984 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Ng đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Chị Ng, anh M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước; tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền